

研修手当に関する説明書 **Giải thích về trợ cấp đào tạo**

1か月当たり(mỗi tháng)

報酬支給項目 Hạng mục đền bù	報酬基礎計算項目 Các hạng mục tính toán bồi thường cơ bản
実習時間- Số giờ thực hành-	160時間 Thời gian
報酬換算時間給 Bồi thường tương đương tiền lương theo giờ	1,163 円
1 研修手当合計 Ước tính trợ cấp đào tạo	186,080円

上記手当は概算です。研修手当は定額制ではなく研修した時間分だけ支払われる。
Khoản phụ cấp trên là ước tính. Phụ cấp đào tạo không được trả theo tỷ lệ cố định mà chỉ được trả theo lượng thời gian đào tạo.

給与控除項目 Các khoản trích theo lương ※1	金額 Số tiền
所得税 Thuế thu nhập(一般税率 Thuế suất chung)	(20,42%収入) 32,359円 (20,42% Thu nhập) 32,359 yên
住民税 Thuế cư trú	0円
健康保険 Bảo hiểm Y tế	9,120円
厚生年金 Lương hưu	15,105円
雇用保険 Bảo hiểm việc làm	1,023円
2 【所得税+社会保険 合計】 Tổng thuế thu nhập + bảo hiểm xã hội	57,608円

その他控除 自己負担等 Các mục khấu trừ khác Tự trả, v.v.	金額 Số tiền
寮費 Phí ký túc xá	30,000円
水道光熱費、通信費 Hóa đơn tiện ích, wifi	実費円
食費 Chi phí ăn uống	本人負担円
管理費 Phí quản lý	0
3 【その他控除合計】 Tổng các khoản khấu trừ khác	30,000円

※1 金額は概算です。所得税は働いた時間により所得税の金額は変動します。
Số tiền là ước tính. Số tiền thuế thu nhập khác nhau tùy thuộc vào số giờ làm việc.

4 控除額合計(②+③)	87,608円
差引支給額(①-④)	98,472円

受入機関 **Công ty tiếp nhận**
機関名: Renxa株式会社
Tên Công ty tiếp nhận : Công ty cổ phần Renxa
住所: 東京都豊島区東池袋3-13-3
Địa chỉ: 3-13-3 Higashiikebukuro, Toshima-ku, Tokyo
代表者: 代表取締役 坂本 幸司
Người đại diện: Giám đốc đại diện Sakamoto Koji
学生氏名: